

Số: 11/2012/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và hỗ trợ triển khai
nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 21/02/2011 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và hỗ trợ triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về quản lý và hỗ trợ triển khai đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Tiền Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Minh Điều

QUY ĐỊNH**Về quản lý và hỗ trợ triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

*(Ban hành kèm Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
2. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác quốc tế có điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định này thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ: là những nội dung khoa học và công nghệ cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án.
2. Chương trình khoa học và công nghệ: bao gồm một nhóm các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, được tập hợp theo một mục đích xác định nhằm thực hiện một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể.
3. Đề tài khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu nghiên cứu về một chủ đề khoa học và công nghệ. Đề tài được thực hiện dưới các hình thức: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm.
4. Dự án khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ; áp dụng, thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội.
5. Ứng dụng: Là áp dụng kết quả nghiên cứu của chương trình, đề tài, dự án trong hoạt động chuyên môn hoặc trong hoạt động kinh tế - xã hội của một, hai hay nhiều tổ chức, cá nhân.
6. Nhân rộng: Là phổ biến kết quả nghiên cứu của chương trình, đề tài, dự án rộng rãi trong nhân dân ở một vùng, một khu vực của địa phương.
7. Tổ chức ứng dụng, nhân rộng: Là tổ chức trực tiếp tiếp nhận kết quả nghiên cứu của chương trình, đề tài, dự án để áp dụng trong hoạt động chuyên môn hoặc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, địa phương mình.

8. Tổ chức triển khai ứng dụng, nhân rộng: Là tổ chức chịu trách nhiệm chuyển giao kết quả nghiên cứu của chương trình, đề tài, dự án cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu áp dụng trong hoạt động chuyên môn hoặc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân đó.

9. Cơ quan quản lý chương trình, đề tài, dự án (sau đây gọi là cơ quan quản lý): Là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; thẩm định nội dung và kinh phí; kiểm tra và đánh giá nghiệm thu kết quả các chương trình, đề tài, dự án.

10. Cơ quan chủ trì chương trình, đề tài, dự án (sau đây gọi là cơ quan chủ trì): Là cơ quan quản lý chủ nhiệm chương trình, đề tài, dự án và trực tiếp ký kết hợp đồng tổ chức thực hiện chương trình, đề tài, dự án.

11. Chủ nhiệm chương trình, đề tài, dự án (sau đây gọi là chủ nhiệm): Là người trực tiếp thực hiện chương trình, đề tài, dự án.

12. Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

13. Công nghệ sinh học là một lĩnh vực công nghệ cao dựa trên nền tảng khoa học về sự sống, kết hợp với quy trình và thiết bị kỹ thuật nhằm tạo ra các công nghệ khai thác các hoạt động sống của vi sinh vật, tế bào thực vật và động vật để sản xuất ở quy mô công nghiệp các sản phẩm sinh học có chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

Điều 3. Ưu đãi đối với hoạt động khoa học, công nghệ

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, ngoài việc được hưởng ưu đãi trong quy định này, còn được hưởng các chính sách ưu đãi theo Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Thông tư liên tịch số 2341/2000/TTLB/BKH-CNMT-BTC ngày 28/11/2000 của liên Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ; Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 21/02/2011 của liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí. Đồng thời được hưởng các chính sách ưu đãi có liên quan hiện hành của nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang khuyến khích và ưu tiên đầu tư các hoạt động ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đạt hiệu quả.

Điều 4. Phân loại chương trình, đề tài, dự án

1. Phân loại theo nội dung nghiên cứu:

- a) Đề tài nghiên cứu cơ bản;
- b) Đề tài nghiên cứu ứng dụng;
- c) Đề tài triển khai thực nghiệm;
- d) Chương trình khoa học và công nghệ;
- e) Dự án sản xuất thử nghiệm.

2. Phân loại theo yêu cầu nghiên cứu

a) Chương trình, đề tài, dự án đăng ký

Chương trình, đề tài, dự án đăng ký gồm những chương trình, đề tài, dự án do các cá nhân, tổ chức và địa phương xây dựng đề cương nghiên cứu đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thông qua Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Chương trình, đề tài, dự án đặt hàng

Chương trình, đề tài, dự án do sở, ngành đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ lập danh mục thông qua Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt. Sở Khoa học và Công nghệ công bố rộng rãi danh mục được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn;

c) Chương trình, đề tài, dự án đột xuất mới phát sinh

- Chương trình, đề tài, dự án thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất mới phát sinh gắn với các chương trình, mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

- Chương trình, đề tài, dự án đột xuất mới phát sinh không áp dụng quy định về thời gian tại Khoản 1, Điều 7; Khoản 2, Điều 14; Khoản 6, Điều 17 của Quy định này.

3. Phân loại theo cấp

a) Cấp tỉnh

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm các chương trình, đề tài, dự án có tính chất quan trọng, quy mô tác động lớn đối với một hoặc nhiều lĩnh vực hoặc một sản phẩm quan trọng của tỉnh; có tổng kinh phí từ 150 triệu đồng trở lên đối với đề tài; từ 300 triệu đồng trở lên đối với dự án.

b) Cấp cơ sở

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở gồm các đề tài, dự án có quy mô nhỏ, giải quyết các vấn đề kỹ thuật ở các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc phạm vi tác động ở mức độ nhất định trong lĩnh vực một ngành, một huyện, thị, thành; có mức sử dụng kinh phí ngân sách dưới 150 triệu đồng đối với đề tài; dưới 300 triệu đồng đối với dự án.

Điều 5. Thời gian thực hiện chương trình, đề tài, dự án

Thời gian thực hiện mỗi chương trình không quá 60 tháng; Đề tài, dự án không quá 24 tháng. Trường hợp phải kéo dài hơn sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh), hoặc Sở Khoa học và Công nghệ (đối với đề tài, dự án cấp cơ sở) quyết định.

Điều 6. Điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký thực hiện chương trình, đề tài, dự án

1. Tổ chức phải có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của chương trình, đề tài, dự án; trường hợp là tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ phải có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ. Một tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

2. Cá nhân phải tham gia hoạt động trong một tổ chức có tư cách pháp nhân. Mỗi chương trình, đề tài, dự án có tối đa 01 đồng chủ nhiệm. Chủ nhiệm chương trình, đề tài, dự án phải có chuyên môn được đào tạo cùng hoặc gần lĩnh vực khoa học và công nghệ mà mình đăng ký, hoặc làm việc trong ngành do mình quản lý ít nhất là 03 năm.

3. Chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh.

a) Mỗi cá nhân có thể đồng thời làm chủ nhiệm 01 đề tài và 01 dự án cấp tỉnh hoặc đồng thời làm chủ nhiệm 02 dự án cấp tỉnh trong năm kế hoạch. Trường hợp đang làm chủ nhiệm hoặc chuẩn bị làm chủ nhiệm 01 chương trình, đề tài, dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ thì không được tham gia chủ nhiệm đề tài cấp tỉnh (trong năm kế hoạch), trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Cá nhân đang làm chủ nhiệm chương trình, đề tài, dự án ở các tỉnh khác thì không được tham gia chủ nhiệm đề tài cấp tỉnh có nội dung tương tự tại tỉnh Tiền Giang (trong năm kế hoạch), trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Đề tài, dự án cấp cơ sở.

a) Áp dụng như Khoản 3 Điều này, cụm từ “cấp tỉnh” được đổi thành “cấp cơ sở”;

b) Trường hợp đang làm chủ nhiệm hoặc dự kiến làm chủ nhiệm 01 chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh thì không được tham gia chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở (trong năm kế hoạch).

5. Tổ chức, cá nhân khi đã hoặc đang là cơ quan chủ trì, chủ nhiệm không được tham gia tuyển chọn, xét chọn thực hiện chương trình, đề tài, dự án mới trong thời gian từ 01 đến 03 năm nếu vi phạm một trong các điểm sau đây:

a) Không hoàn thành đúng thời hạn quyết toán;

b) Không nộp đầy đủ và đúng thời hạn các hồ sơ liên quan để tổ chức nghiệm thu kết thúc;

c) Thực hiện không đúng thời hạn việc hoàn trả kinh phí thu hồi đối với những chương trình, đề tài có thu hồi kinh phí trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý phát hành văn bản nhắc nhở cuối cùng. Trường hợp khác sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

d) Không thực hiện đúng Khoản 2, Khoản 3 Điều 12 Quy định này.

Điều 7. Đăng ký chương trình, đề tài, dự án

1. Thời gian đăng ký cho năm sau: Từ ngày 02/1 đến ngày 31/3 của năm trước.

2. Các chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh đăng ký tại Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Các đề tài, dự án cấp cơ sở:

a) Đề tài, dự án do sở, ngành tỉnh thực hiện: Đăng ký tại các Tiểu ban thuộc Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh hoặc tại Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Đề tài, dự án cấp huyện: Đăng ký tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã.

4. Hồ sơ đăng ký theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ quy định.

Chương II

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Mục I: CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP TỈNH

Điều 8. Quản lý chương trình, đề tài, dự án

1. Xác lập danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Quyết định triển khai;

2. Giám sát việc triển khai;

3. Thanh tra, kiểm tra triển khai;

4. Nghiệm thu, lưu trữ kết quả nghiên cứu;

5. Ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức đăng ký, lập danh mục đưa ra Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xét chọn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục;

2. Chủ trì, tổ chức thẩm định nội dung đề cương chi tiết và thẩm định dự toán kinh phí;
3. Ký kết hợp đồng triển khai chương trình, đề tài, dự án với cơ quan chủ trì theo quy định;
4. Cấp phát kinh phí theo hợp đồng ký kết;
5. Kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung công việc chuyên môn của chương trình, đề tài, dự án theo đề cương chi tiết được duyệt, tiến độ đăng ký;
6. Phối hợp với cơ quan tài chính và các tổ chức có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán giai đoạn và tổng quyết toán kinh phí khi kết thúc. Quyết định (đối với đề tài, dự án cấp cơ sở) hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (đối với chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh) xử lý đối với chương trình, đề tài, dự án có vi phạm các quy định của pháp luật;
7. Tổ chức đoàn kiểm tra; Thanh tra khi có dấu hiệu vi phạm;
8. Tổ chức hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu, mức độ thực hiện và thanh lý hợp đồng;
9. Lưu trữ hồ sơ, đăng ký kết quả nghiên cứu đã nghiệm thu theo quy định;
10. Theo dõi và báo cáo hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh về tình hình triển khai, thực hiện, kết quả ứng dụng, đồng thời đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý các chương trình, đề tài, dự án.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan chủ trì

1. Chịu trách nhiệm và đảm bảo các điều kiện tổ chức thực hiện đầy đủ các điều cam kết trong hợp đồng và đề cương chi tiết được duyệt;
2. Cấp kinh phí cho Chủ nhiệm theo đúng tiến độ và thực hiện quyết toán theo quy định. Chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng kinh phí, vật tư, tài sản của chương trình, đề tài, dự án theo nội dung và dự toán đã được phê duyệt;
3. Đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm của chương trình, đề tài, dự án;
4. Tổ chức hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở;
5. Nộp kinh phí thu hồi theo quy định;
6. Kết hợp với Chủ nhiệm tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả chương trình, đề tài, dự án vào sản xuất và đời sống.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ nhiệm

1. Chủ động và chịu trách nhiệm thực hiện nội dung, tiến độ chương trình, đề tài, dự án đã được phê duyệt;
2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định;

3. Chịu sự giám sát và kiểm tra tiến độ, nội dung thực hiện chương trình, đề tài, dự án của cơ quan quản lý và cơ quan chủ trì;

4. Báo cáo cơ quan chủ trì và cơ quan quản lý khi tiến độ triển khai, nội dung thực hiện chương trình, đề tài, dự án gặp khó khăn, trở ngại.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu

1. Được giao toàn bộ kết quả nghiên cứu chương trình, đề tài, dự án;

2. Có trách nhiệm tiếp nhận kết quả, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện;

3. Báo cáo cơ quan quản lý kết quả ứng dụng. Định kỳ 06 tháng một lần trong năm đầu thực hiện, sau đó mỗi năm 01 lần trong 02 năm tiếp theo, tổ chức ứng dụng, nhân rộng báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 13. Kinh phí quản lý

Kinh phí quản lý chương trình, đề tài, dự án thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 14. Tổ chức xác định danh mục chương trình, đề tài, dự án

1. Nội dung, yêu cầu

a) Nội dung xét chọn gồm: Mục tiêu; các nội dung chính; phương pháp nghiên cứu; kết quả dự kiến đạt được; số lượng, chất lượng sản phẩm cần đạt được; tổ chức chủ trì; tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả; thời gian bắt đầu và kết thúc; khái toán kinh phí.

b) Yêu cầu: Chương trình, đề tài, dự án phải sát với yêu cầu sản xuất và đời sống của tỉnh; có tính mới, tính khoa học và tính khả thi cao; có khả năng ứng dụng, nhân rộng ra sản xuất.

2. Các bước xét chọn

a) Từ ngày 01/4 đến 29/4 hàng năm: Các tiểu ban của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh (gọi tắt là các tiêu ban), các địa phương gửi về Sở Khoa học và Công nghệ danh mục chương trình, đề tài, dự án đã được xét chọn ở tiêu ban, các địa phương.

b) Từ 02/5 đến 31/5 hàng năm: Cơ quan thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh tổng hợp danh mục chương trình, đề tài, dự án được đề xuất từ các tiêu ban và các địa phương; Đề xuất danh mục chương trình, đề tài, dự án đặt hàng (nếu có) trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh.

c) Từ ngày 01/6 đến 30/6 hàng năm: Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét, thông qua danh mục, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt gửi Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất ngày 20/7.

d) Hồ sơ trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh:

- Danh mục chương trình, đề tài, dự án do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đăng ký;

- Danh mục chương trình, đề tài, dự án do các tiểu ban, các địa phương đề xuất chọn;

- Danh mục chương trình, đề tài, dự án do Thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ đặt hàng (nếu có);

- Danh mục chương trình, đề tài, dự án do Thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ đề xuất chọn.

Điều 15. Lập đề cương chi tiết các chương trình, đề tài, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục

1. Cơ quan chủ trì phải gửi đề cương chi tiết đến Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ thông báo yêu cầu lập đề cương chi tiết.

2. Mẫu thuyết minh đề cương chi tiết chương trình, đề tài, dự án: Theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ quy định.

Điều 16. Thẩm định nội dung đề cương chi tiết và dự toán kinh phí

1. Tổ thẩm định nội dung đề cương chi tiết

a) Thành lập Tổ

- Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ.

- Thành phần gồm: Cơ quan quản lý, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm, cơ quan dự kiến ứng dụng và một số tổ chức, địa phương có liên quan, các cá nhân có chuyên môn phù hợp.

b) Nội dung thẩm định

- Mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến; giải pháp kỹ thuật, công nghệ nghiên cứu, áp dụng;

- Phương pháp nghiên cứu;

- Hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội, khả năng áp dụng mở rộng;

c) Phương pháp thẩm định:

Nếu có từ 2 tổ chức trở lên đăng ký thực hiện thì chọn đề cương chi tiết nào được các thành viên Tổ chấm điểm có số điểm cao nhất theo thang điểm quy định sau đây:

- Giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, triển khai và kết quả dự kiến sẽ đạt được: tối đa 60 điểm.

- Năng lực chuyên môn của chủ nhiệm và cơ quan chủ trì: tối đa 30 điểm.

- Tính hợp lý của dự toán kinh phí: tối đa 10 điểm.

2. Tổ thẩm định dự toán kinh phí

a) Thành lập Tổ

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ.

- Thành phần gồm: Cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý về tài chính, chuyên viên quản lý tài chính, chuyên viên quản lý khoa học và công nghệ và các thành viên khác có liên quan.

b) Nội dung thẩm định

Thẩm định các nội dung chi theo nội dung đề cương chi tiết đã được thẩm định và theo các định mức, quy định hiện hành về tài chính.

Điều 17. Quyết định triển khai và ký kết hợp đồng triển khai chương trình, đề tài, dự án

1. Thời gian chỉnh sửa đề cương chi tiết: 30 ngày kể từ ngày họp thẩm định nội dung, sau thời hạn trên hồ sơ sẽ không được xem xét.

2. Thời gian chỉnh sửa dự toán kinh phí: 20 ngày kể từ ngày họp thẩm định dự toán kinh phí, sau thời hạn trên hồ sơ sẽ không được xem xét.

3. Căn cứ vào đề cương chi tiết và dự toán kinh phí đã được thẩm định, biên bản họp thẩm định đề cương chi tiết, biên bản họp thẩm định dự toán kinh phí và tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định triển khai chương trình, đề tài, dự án.

4. Các đề cương chi tiết được phê duyệt nhưng không được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định triển khai sẽ được thanh toán chi phí lập đề cương theo quy định.

5. Chương trình, đề tài, dự án có quyết định triển khai phải ký kết hợp đồng thực hiện giữa cơ quan quản lý với cơ quan chủ trì theo quy định của pháp luật.

6. Các chương trình, đề tài, dự án đến hết ngày 30/9 hàng năm chưa hoàn thành các thủ tục để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định triển khai thì bị loại khỏi danh mục triển khai thực hiện.

Mục 2

ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP CƠ SỞ

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện

1. Tổ chức đăng ký, xét chọn danh mục đề tài, dự án trình Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

2. Chủ trì, tổ chức thẩm định nội dung đề cương chi tiết và thẩm định dự toán kinh phí;

3. Trình Sở Khoa học và Công nghệ quyết định triển khai

4. Ký kết hợp đồng triển khai đề tài, dự án với cơ quan chủ trì theo quy định;

5. Cấp phát kinh phí theo hợp đồng ký kết;

6. Kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung công việc chuyên môn của đề tài, dự án theo đề cương chi tiết được duyệt, tiến độ đăng ký;

7. Phối hợp với cơ quan tài chính và các tổ chức có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán giai đoạn và tổng quyết toán kinh phí khi kết thúc;

8. Tổ chức nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu, mức độ thực hiện và thanh lý hợp đồng;

9. Trình Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hội đồng nghiệm thu; quyết định công nhận kết quả nghiên cứu;

10. Tổ chức đoàn kiểm tra; Thanh tra khi có dấu hiệu vi phạm;

11. Theo dõi và báo cáo hàng năm cho Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành; Hội đồng Khoa học và Công nghệ huyện, thị, thành và Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình triển khai, thực hiện, kết quả ứng dụng, đồng thời đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện.

Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của Tiểu ban chuyên ngành của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh

Các Tiểu ban chuyên ngành của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh là bộ phận tư vấn, tham mưu giúp Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hội đồng, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Đăng ký, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh hàng năm.

2. Được giao chủ trì thẩm định nội dung đề cương chi tiết, nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu đề tài, dự án cấp cơ sở do sở, ngành tỉnh thực hiện.

3. Trình cơ quan thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh quyết định triển khai, hội đồng nghiệm thu, công nhận kết quả đề tài, dự án cơ sở do sở, ngành tỉnh thực hiện.

4. Đề xuất khen thưởng chủ nhiệm, cơ quan chủ trì đề tài, dự án cấp cơ sở do sở, ngành tỉnh thực hiện hàng năm.

Điều 20. Tổ chức xác định danh mục đề tài, dự án

1. Nội dung, yêu cầu: Áp dụng khoản 1 Điều 14 quy định này.

2. Các bước xét chọn

a) Từ ngày 01/4 đến 29/4 hàng năm, các Tiểu ban thuộc Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp huyện, thị, thành (gọi tắt là Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp huyện) tổ chức xem xét, thông qua danh mục, đề tài, dự án cấp cơ sở.

b) Chậm nhất ngày 2/5 hàng năm Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã; Trưởng các Tiểu ban gửi danh mục đề tài, dự án đã được xét chọn về Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt thực hiện cho năm sau.

Điều 21. Thẩm định nội dung đề cương chi tiết và dự toán kinh phí đề tài, dự án

1. Thành lập Tổ

a) Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã lập Tổ thẩm định nội dung đề cương chi tiết và dự toán kinh phí các đề tài, dự án theo danh mục đã được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Thành phần tổ như quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 16 của Quy định này.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lập Tổ thẩm định nội dung đề cương chi tiết và dự toán kinh phí các đề tài, dự án do ngành thực hiện.

2. Nội dung thẩm định: Áp dụng điểm b, Khoản 1 và điểm b, Khoản 2 Điều 16 của Quy định này.

Điều 22. Quyết định triển khai, ký kết hợp đồng triển khai, kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý, lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài, dự án

1. Thời gian chỉnh sửa đề cương chi tiết và dự toán kinh phí: 30 ngày kể từ ngày họp thẩm định; sau thời gian trên hồ sơ sẽ không được xem xét.

2. Quyết định triển khai: Căn cứ đề cương chi tiết và dự toán kinh phí đã được phê duyệt, biên bản thẩm định đề cương chi tiết, tờ trình của Trưởng tiểu ban; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Kinh tế thành phố, thị xã, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định triển khai.

Trường hợp đề cương chi tiết đã được phê duyệt, nếu không được triển khai sẽ được thanh toán chi phí lập đề cương theo quy định.

3. Ký kết hợp đồng triển khai

a) Đề tài do ngành thực hiện: Sở khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng với cơ quan chủ trì.

b) Đề tài cấp huyện: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã ký kết hợp đồng với cơ quan chủ trì.

4. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu, thanh lý (nếu có) đánh giá kết quả nghiên cứu khi kết thúc đề tài, dự án.

5. Căn cứ báo cáo tổng kết, biên bản nghiệm thu đánh giá, xếp loại Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định nghiệm thu, thanh lý (nếu có), công nhận kết quả nghiên cứu và giao cho tổ chức ứng dụng, nhân rộng hoặc triển khai ứng dụng, nhân rộng.

6. Đăng ký, lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài, dự án theo quy định.

Chương III

HỖ TRỢ VÀ THU HỒI KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 23. Thu hồi kinh phí

Các Chương trình, đề tài, dự án trong Quy định này không thu hồi kinh phí đầu tư từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ; trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 32 của Quy định này.

Điều 24. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Các đề tài tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 của Quy định này, ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ 100% kinh phí.

2. Đề tài tại điểm c; dự án tại điểm e khoản 1 Điều 4 của Quy định này có nội dung và mức hỗ trợ như sau:

a) Nội dung hỗ trợ:

- Chi hoàn thiện, đổi mới công nghệ; hoàn thiện, đổi mới dây chuyền sản xuất (hoàn thiện, đổi mới quy trình công nghệ, giải mã công nghệ của nước ngoài, thiết lập quy trình công nghệ tối ưu, thiết kế kỹ thuật, thiết kế chế tạo sản phẩm của dự án, hoàn thiện, đổi mới dây chuyền sản xuất, bổ sung hoặc làm mới thiết bị máy móc và dụng cụ kiểm tra, đo lường...) để thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm;

- Chi sản xuất thử sản phẩm loạt đầu tiên của dự án (mua giống, nguyên vật liệu; chi phí tiêu thụ năng lượng; chi thuê nhân công...);

- Chi mua tài liệu kỹ thuật của nước ngoài (mà trong nước không có);

- Chi thuê tư vấn, chuyên gia;

- Chi thuê, mua sắm, nhập khẩu trang thiết bị chuyên dụng phục vụ trực tiếp cho dự án;

- Chi đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật, nông dân (đối với các dự án sản xuất thử nghiệm trong nông nghiệp)... phục vụ trực tiếp cho dự án;

- Chi phí kiểm tra, phân tích các kết quả nghiên cứu trong quá trình thực nghiệm;

- Chi phí kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa kết quả của dự án;

- Chi tuyên truyền, tiếp thị, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đăng ký bảo hộ giống cây trồng;

- Các chi phí khác trực tiếp phục vụ cho thực hiện dự án (không bao gồm kinh phí chi phí đi công tác nước ngoài, lãi tiền vay phát sinh do chủ dự án phải vay vốn để thực hiện dự án trên phần vốn của tổ chức chủ trì).

b) Mức hỗ trợ

- Tối đa đến 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án);

- Tối đa đến 50% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án SXTN trong lĩnh vực nông nghiệp, dự án triển khai tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án SXTN trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Chương IV

NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 25. Nghiệm thu giai đoạn chương trình, đề tài, dự án

1. Khi kết thúc từng giai đoạn của chương trình, đề tài, dự án theo hợp đồng, chủ nhiệm phải lập báo cáo kết quả thực hiện và hồ sơ quyết toán kinh phí thông qua cơ quan chủ trì, gửi đến cơ quan quản lý.

2. Hội đồng nghiệm thu giai đoạn xem xét nội dung báo cáo kết quả nghiên cứu và phần kinh phí đã sử dụng. Nếu nội dung của báo cáo phản ánh đúng kết quả thực hiện và phần kinh phí sử dụng phù hợp với kinh phí được duyệt thì Hội đồng nghiệm thu giai đoạn đề xuất với cơ quan quản lý cho phép chương trình, đề tài, dự án tiếp tục chuyển sang giai đoạn tiếp theo và quyết toán phần kinh phí đã thực hiện.

3. Trường hợp chương trình, đề tài, dự án thực hiện không đúng theo đề cương được duyệt hoặc sử dụng kinh phí không đúng theo hợp đồng và quy định của ngành tài chính thì Hội đồng nghiệm thu giai đoạn đề xuất cơ quan quản lý có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 26. Nghiệm thu kết thúc chương trình, đề tài, dự án

1. Hồ sơ nghiệm thu kết thúc:

- 15 bản báo cáo chính;
- 05 bản báo cáo tóm tắt;
- 02 đĩa quang (CD, DVD) ghi nội dung báo cáo chính và báo cáo tóm tắt; các sản phẩm, tài liệu khoa học có liên quan;
- Văn bản ý kiến nhận xét kết quả thực hiện của cơ quan chủ trì;
- Văn bản đề nghị nghiệm thu của cơ quan chủ trì;
- Biên bản quyết toán kinh phí hoặc báo cáo tổng hợp quyết toán.

2. Hội đồng nghiệm thu

a) Chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh

- Thành lập Hội đồng: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu.

- Cơ cấu: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng, số lượng thành viên hội đồng từ 07 đến 15 người.

- Thành phần: Cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, tài chính, các nhà khoa học có uy tín, có chuyên môn sâu về lĩnh vực mà chương trình, đề tài, dự án thực hiện, đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành, tổ chức ứng dụng, đại diện địa phương có chương trình, đề tài, dự án triển khai, người phản biện.

b) Đề tài, dự án cấp cơ sở

- Thành lập hội đồng: Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu.

- Cơ cấu: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng, số lượng thành viên trong hội đồng từ 07 đến 11 người tùy vào tính chất và quy mô đề tài, dự án nhưng phải có trình độ từ đại học trở lên và 1/2 thành viên là cán bộ khoa học có chuyên môn về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án nghiệm thu.

- Thành phần: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp huyện hoặc thành viên của các tiểu ban và cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Người phản biện

Tùy tính chất, quy mô và nội dung của chương trình, đề tài, dự án nghiệm thu, cơ quan quản lý mời từ 01 đến 03 người phản biện tham gia Hội đồng nghiệm thu. Người phản biện là nhà khoa học có uy tín và có trình độ chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu, được thực hiện các quyền như thành viên hội đồng và làm tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nghiệm thu chương trình, đề tài, dự án

1. Được cung cấp báo cáo khoa học và các tài liệu, sản phẩm có liên quan của chương trình, đề tài, dự án.

2. Được nghe báo cáo bảo vệ của chủ nhiệm, cơ quan chủ trì và các ý kiến phản biện.

3. Thành viên Hội đồng có quyền yêu cầu chủ nhiệm giải trình, bổ sung hoặc chất vấn, phản biện các vấn đề có liên quan; cho điểm và đánh giá xếp loại chương trình, đề tài, dự án theo mẫu quy định.

4. Hội đồng nghiệm thu bằng phương thức bỏ phiếu, cho điểm theo thang điểm do Sở Khoa học và Công nghệ quy định và được đánh giá, xếp loại theo 4 mức: A, B, C và không đạt

Điều 28. Hồ sơ quyết toán kinh phí kết thúc

Chương trình, đề tài, dự án trước khi được tổ chức nghiệm thu kết thúc, sẽ tiến hành quyết toán kinh phí kết thúc. Hồ sơ quyết toán kết thúc gồm:

1. Báo cáo tổng kết; các sản phẩm, tài liệu khoa học tạo ra trong quá trình nghiên cứu (nếu có);

2. Các báo cáo quyết toán giai đoạn đã được công nhận;

3. Báo cáo quyết toán tổng hợp kinh phí đầu tư và báo cáo bổ sung kinh phí (nếu có);

4. Biên bản quyết toán kinh phí của cơ quan quản lý và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan chủ trì;

5. Toàn bộ chứng từ, hóa đơn tài chính hợp lệ;

6. Các hồ sơ cần thiết khác.

Điều 29. Quyết định công nhận kết quả chương trình, đề tài, dự án

1. Chương trình, đề tài, dự án tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 6 của Quy định này, sau khi tổng quyết toán kinh phí và nghiệm thu, nếu được xếp loại từ mức C trở lên thì quyết định công nhận kết quả nghiệm thu và chuyển giao cho đơn vị ứng dụng, nhân rộng;

2. Dự án tại điểm e Khoản 1 Điều 6 của Quy định này sau khi quyết toán và nghiệm thu thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận kết quả thực hiện dự án.

3. Chương trình, đề tài, dự án nghiệm thu xếp loại “không đạt” thì làm thủ tục thanh lý.

4. Cơ quan ra quyết định triển khai chương trình, đề tài là cơ quan quyết định công nhận kết quả chương trình, đề tài và chuyển giao cho đơn vị áp dụng.

5. Hồ sơ quyết định công nhận chương trình, đề tài, hoặc giấy chứng nhận dự án gồm:

- Báo cáo tổng kết hoàn chỉnh;
- Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu;
- Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý chương trình, đề tài;
- Các hồ sơ có liên quan.

Điều 30. Ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu

1. Sở Khoa học và Công nghệ đăng tải thông tin kết quả chương trình, đề tài, dự án đã nghiệm thu trên tạp san Khoa học và Công nghệ; Website của Sở và phổ biến đến các ngành, địa phương tham khảo, tra cứu ứng dụng, nhân rộng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Đơn vị được giao ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu chương trình, đề tài, dự án có trách nhiệm tiếp nhận kết quả, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo cho cơ quan quản lý kết quả ứng dụng.

3. Các chương trình, đề tài, dự án được Hội đồng nghiệm thu đánh giá có khả năng ứng dụng cao sẽ được ưu tiên đưa vào ứng dụng, nhân rộng thì làm thủ tục thực hiện như một dự án mới.

Điều 31. Khen thưởng

1. Chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xếp loại A hoặc có khả năng ứng dụng rộng rãi đồng thời thực hiện tốt các quy định về quản lý đề tài, dự án, Sở Khoa học và Công nghệ xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen kèm tiền thưởng cho Chủ nhiệm;

2. Đề tài, dự án cấp cơ sở: Hàng năm Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã, Trưởng các tiểu ban xét, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tặng giấy khen kèm tiền thưởng cho Chủ nhiệm về thành tích triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn.

3. Chương trình, đề tài, dự án sau khi triển khai ứng dụng, sản xuất đại trà trong thực tiễn 3 năm nếu được cơ quan quản lý đánh giá là đạt hiệu quả kinh tế, xã hội cao thì Sở Khoa học và Công nghệ xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen và tiền thưởng cho Chủ nhiệm, cơ quan ứng dụng, nhân rộng chương trình, đề tài, dự án theo mức độ sau:

a) Giá trị tương đương 5% hiệu quả kinh tế mang lại (tính được bằng tiền) đối với chương trình, đề tài, dự án có hiệu quả kinh tế, xã hội cao.

b) Giá trị tương đương 2% hiệu quả kinh tế mang lại (tính được bằng tiền) đối với chương trình, đề tài, dự án có hiệu quả kinh tế cao.

4. Tổ chức, cá nhân làm môi giới hoặc trực tiếp chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chuyên gia công nghệ phát triển sản xuất tạo ra sản phẩm mới trong tỉnh hoặc sản phẩm xuất khẩu được thị trường chấp nhận; được tổ chức, cá nhân tiếp nhận, ứng dụng đưa vào sản xuất ít nhất là hai năm công nhận sản xuất hàng hóa và đánh giá có hiệu quả kinh tế - xã hội cao thì được UBND tỉnh tặng bằng khen kèm theo tiền thưởng bằng 1% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng cao nhất không quá 50 (năm mươi) triệu đồng;

5. Định kỳ 5 năm hoặc trong các trường hợp đặc biệt Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chính phủ khen thưởng cho cá nhân và tổ chức có thành tích xuất sắc trong tham gia hoạt động khoa học, công nghệ theo quy định hiện hành.

6. Kinh phí khen thưởng được lấy từ nguồn quản lý chương trình, đề tài, dự án. Riêng kinh phí khen thưởng tại khoản 4 điều này được lập và phê duyệt từ nguồn khen thưởng của tỉnh hàng năm”.

Chương V

THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 32. Thanh lý, xử lý vi phạm hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Các chương trình, đề tài, dự án khi nghiệm thu kết thúc đạt yêu cầu thì được quyết toán cấp toàn bộ kinh phí thực hiện.

2. Chương trình, đề tài, dự án thực hiện không đúng tiến độ theo hợp đồng:

a) Chậm trễ do nguyên nhân khách quan: Cơ quan quản lý xem xét gia hạn;

b) Chậm trễ khác: Cơ quan quản lý đề nghị đình chỉ các bước thực hiện tiếp theo, tiến hành thủ tục thanh lý, thu hồi kinh phí đã cấp;

c) Thời gian chậm trễ: Sau 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý phát hành văn bản yêu cầu báo cáo.

3. Chương trình, đề tài, dự án không triển khai hoặc triển khai một phần, khi báo cáo giai đoạn được đánh giá không đạt yêu cầu:

a) Do nguyên nhân khách quan: Quyết toán toàn bộ kinh phí đã sử dụng.

b) Do nguyên nhân chủ quan: Thu hồi toàn bộ kinh phí đã cấp.

4. Kinh phí chương trình, đề tài, dự án nếu thực hiện không đúng nội dung hợp đồng, không đúng quy định tài chính thì thu hồi toàn bộ phần sử dụng không đúng đó.

5. Chương trình, đề tài, dự án: Nghiệm thu loại “Không đạt” thì tùy theo tính chất, điều kiện nghiên cứu mà quyết toán một phần hay toàn bộ kinh phí.

6. Chương trình, đề tài, dự án tại các Khoản 2,3,4 Điều này phải tiến hành thanh lý. Hồ sơ, thủ tục thanh lý gồm:

a) Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thanh lý của cơ quan chủ trì;
- Báo cáo thanh lý của chủ nhiệm, nêu rõ lý do thanh lý;
- Báo cáo quyết toán đến thời điểm thanh lý.

b) Thủ tục: Hợp Hội đồng để xem xét và đề xuất quyết định thanh lý.

7. Trường hợp khác do cơ quan quản lý đề xuất cấp thẩm quyền xử lý.

8. Các dự án còn được áp dụng tại khoản 5, Điều 3, Thông tư Liên tịch 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để xử lý.

Điều 33. Đăng ký kết quả thực hiện chương trình, đề tài, dự án

1. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình, đề tài, dự án trên địa bàn tỉnh sau khi được quyết định công nhận hoặc chứng nhận cơ quan chủ trì và chủ nhiệm phải tiến hành đăng ký và lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện gồm:

a) 01 Phiếu đăng ký kết quả theo mẫu;

b) 01 quyển Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu;

c) 01 bản điện tử đối với Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra/khảo sát, các báo cáo đề tài nhánh và các chuyên đề nghiên cứu. Bản điện tử phải sử dụng các định dạng là Word (phần mở rộng là doc) hoặc Excel (phần mở rộng là xls) hoặc Acrobat (phần mở rộng là pdf). Đối với các định dạng Word và Excel phải sử dụng font chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo TCVN 6009:2001. Bản điện tử phải được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu;

d) Chứng từ xác nhận nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có).

Chương VI

KIỂM TRA, THANH TRA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 34. Kiểm tra thực hiện chương trình, đề tài, dự án

1. Sở Khoa học và Công nghệ (đối với chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh; cấp cơ sở do sở, ngành tỉnh thực hiện); Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện; Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (đối với đề tài, dự án cấp huyện) phối hợp với cơ quan

chủ trì và cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra định kỳ về tiến độ thực hiện các nội dung khoa học và công nghệ, tình hình sử dụng kinh phí đã cấp. Khi có phát hiện vi phạm thì xử lý hoặc đề xuất xử lý theo Điều 30 của Quy định này và theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp cần thiết Đoàn kiểm tra có thể đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ (đối với đề tài, dự án cấp cơ sở) điều chỉnh, bổ sung nội dung, tiến độ, kinh phí hoặc đình chỉ triển khai khi thấy chương trình, đề tài, dự án không còn đủ yếu tố bảo đảm sự thành công, hoặc không còn khả năng ứng dụng, nhân rộng.

Điều 35. Thanh tra thực hiện chương trình, đề tài, dự án

Sở Khoa học và Công nghệ (đối với chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh; cấp cơ sở do ngành thực hiện); Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện; Phòng Kinh tế TP, TX đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ (đối với đề tài, dự án cấp huyện) lập Đoàn thanh tra đột xuất để thanh tra các chương trình, đề tài, dự án nếu thấy cần thiết. Khi phát hiện có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thực hiện xử lý hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật, xử lý kinh phí, thanh lý hợp đồng theo Điều 32 của quy định này.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp các ngành có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Minh Điều